

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Quý 1 năm 2013

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.008.233.741.999</b>	<b>1.929.402.399.565</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>316.377.874.733</b>	<b>236.926.587.737</b>
1.	Tiền	111		316.377.874.733	226.324.337.737
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	10.602.250.000
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>538.206.629.979</b>	<b>546.587.945.816</b>
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	649.444.702.667	644.361.091.599
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(111.238.072.688)	(97.773.145.783)
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.079.579.163.226</b>	<b>1.052.495.710.805</b>
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	361.235.806.331	319.150.861.819
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	46.822.557.030	49.193.243.351
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	683.213.436.865	695.844.242.635
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(11.692.637.000)	(11.692.637.000)
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>23.466.472.163</b>	<b>20.236.385.857</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	23.466.472.163	20.236.385.857
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>50.603.601.899</b>	<b>73.155.769.350</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	13.072.298.532	14.730.842.377
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.162.213.378	1.472.818.986
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		916.443.543	605.579.432
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	34.452.646.446	56.346.528.555



Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.357.974.908.846</b>	<b>3.195.141.192.985</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>37.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.11	37.000.000.000	37.000.000.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>519.560.370.366</b>	<b>536.506.406.187</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	466.835.710.218	483.466.936.692
	<i>Nguyên giá</i>	222		1.010.031.401.358	1.014.109.831.692
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(543.195.691.140)	(530.642.895.000)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.13	12.541.438.628	12.856.247.975
	<i>Nguyên giá</i>	228		17.492.719.327	17.492.719.327
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4.951.280.699)	(4.636.471.352)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	40.183.221.520	40.183.221.520
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>V.15</b>	<b>224.337.006.757</b>	<b>227.310.035.803</b>
	<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(55.111.433.038)	(52.138.403.992)
<b>IV.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>2.533.739.086.430</b>	<b>2.350.525.680.978</b>
1.	Đầu tư vào công ty con	251	V.16	1.350.267.874.505	1.310.987.722.752
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	832.121.473.779	807.526.222.779
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	546.952.943.094	391.355.943.094
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(195.603.204.948)	(159.344.207.647)
<b>V.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>43.338.445.293</b>	<b>43.799.070.017</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	559.298.173	643.192.897
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.21	42.779.147.120	43.155.877.120
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>270</b>		<b>5.366.208.650.845</b>	<b>5.124.543.592.550</b>

330  
 CÔNG  
 CỐ  
 LÝ  
 ANH  
 TP.

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN		số	minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A -</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.325.096.146.436</b>	<b>1.230.421.828.034</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>689.891.752.772</b>	<b>755.387.401.013</b>
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.22	403.215.634.998	375.702.950.711
2.	Phải trả người bán	312	V.23	115.937.513.187	93.275.893.156
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.24	27.281.714.821	24.023.852.801
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.25	3.658.036.204	2.872.921.877
5.	Phải trả người lao động	315	V.26	3.720.248.521	8.134.906.847
6.	Chi phí phải trả	316	V.27	22.859.443.119	16.174.003.633
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.28	111.644.227.710	233.627.937.776
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.574.934.213	1.574.934.213
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.29	-	-
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>635.204.393.664</b>	<b>475.034.427.021</b>
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.30	21.576.850.806	21.145.684.163
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.31	613.627.542.858	453.888.742.858
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.041.112.504.409</b>	<b>3.894.121.764.516</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>4.041.112.504.409</b>	<b>3.894.121.764.516</b>
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.32	1.127.307.090.000	1.094.473.090.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.32	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.32	69.388.382.902	69.388.382.902
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.32	29.429.404.912	29.429.404.912
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.32	26.315.340.005	26.315.340.005
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.32	317.197.812.190	203.041.072.297
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-

16  
 CÔNG TY  
 HẠN  
 HIÊN H  
 HUYỆ  
 00 00

<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>5.366.208.650.845</b>	<b>5.124.543.592.550</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2013



Trương Như Nguyễn  
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh  
Tổng Giám đốc



Đơn vị : CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT QUÝ 1 NĂM 2013**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH CHƯA HỢP NHẤT**

**Quý 1 năm 2013**

	Chỉ tiêu	Quý 1		Tích lũy từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	223.618.787.630	328.506.902.626	223.618.787.630	328.506.902.626
2	Các khoản giảm trừ				
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	223.618.787.630	328.506.902.626	223.618.787.630	328.506.902.626
4	Giá vốn hàng bán	210.658.889.983	309.760.278.754	215.158.889.983	309.760.278.754
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	12.959.897.647	18.746.623.872	8.459.897.647	18.746.623.872
6	Doanh thu hoạt động tài chính	185.049.160.587	42.761.626.383	189.014.560.587	42.761.626.383
7	Chi phí tài chính	75.268.176.760	15.610.211.953	69.733.576.760	15.610.211.953
	Trong đó :			-	-
	- Chi phí lãi vay	18.629.226.289	20.563.343.527	18.629.226.289	20.563.343.527
8	Chi phí bán hàng	1.850.716.450	1.278.656.484	1.850.716.450	1.278.656.484
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.863.709.106	12.812.484.578	17.863.709.106	12.812.484.578
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	108.026.455.918	31.806.897.240	108.026.455.918	31.806.897.240
11	Thu nhập khác	6.960.800.591	729.457.442	6.960.800.591	729.457.442
12	Chi phí khác	830.516.617	461.164.729	830.516.617	461.164.729
13	Lợi nhuận khác	6.130.283.974	268.292.713	6.130.283.974	268.292.713
14	Lợi nhuận trước thuế	114.156.739.892	32.075.189.953	114.156.739.892	32.075.189.953
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		187.101.266	-	187.101.266
	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	114.156.739.892	31.888.088.687	114.156.739.892	31.888.088.687

T.p Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2013

Trương Như Nguyên  
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	114.156.739.892	32.075.189.953
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	20.347.113.816	19.536.206.942
- Các khoản dự phòng	03	48.666.724.207	(62.822.287.512)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(196.247.081.289)	(38.701.570.766)
- Chi phí lãi vay	06	18.629.226.289	20.563.343.527
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.552.722.915	(29.349.117.856)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(49.961.278.494)	19.673.441.940
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.230.086.306)	(2.494.975.912)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	20.648.832.864	(29.802.933.328)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.742.438.569	2.164.648.884
- Tiền lãi vay đã trả	13	(11.097.636.689)	(18.646.789.616)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(297.037.893)	(187.101.266)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.424.924.235	2.861.800.579
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.862.333.348)	(6.733.309.971)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(36.079.454.148)</b>	<b>(62.514.336.546)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(915.602.981)	(1.320.915.223)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	6.622.341.819	500.620.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.000.000.000)	(4.861.805.556)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	135.968.733.061
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(262.939.680.000)	(5.250.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	40.317.277.247	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chi	27	235.214.062.114	54.955.771.916
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>16.298.398.199</b>	<b>179.992.404.198</b>

Cho quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	32.834.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	262.726.091.302	261.866.696.393
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(196.327.748.358)	(255.178.802.414)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>99.232.342.944</b>	<b>6.687.893.979</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>79.451.286.995</b>	<b>124.165.961.631</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>236.926.587.737</b>	<b>265.372.942.880</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi n	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>316.377.874.733</b>	<b>389.538.904.510</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2013



Trương Như Nguyên  
 Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt  
 Kế toán trưởng



  
 Đỗ Văn Minh  
 Tổng Giám đốc



## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

# **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Quý 1 Năm 2013**

## **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
- Ngành nghề kinh doanh** :  
Công ty cổ phần Gemadept kiên định với chiến lược phát triển các ngành nghề kinh doanh cốt lõi bên cạnh việc tiến hành đa dạng hóa ngành nghề một cách có chọn lọc. Các lĩnh vực kinh doanh của Công ty cổ phần Gemadept bao gồm: khai thác cảng, logistics, trồng rừng và bất động sản.
  - Khai thác cảng:** Khai thác hệ thống cảng trải dọc từ Bắc chí Nam, tại các thành phố lớn và các vùng kinh tế trọng điểm: cảng Phước Long, cảng Nam Hải, cảng Nam Hải Đình Vũ; cảng Dung Quất, cảng Bình Dương; Đầu tư vào dự án cảng Container Nam Hải - Đình Vũ, cảng nước sâu Germalink Cái Mép và cảng Gemadept Hoa Sen.
  - Logistics:** Trung tâm phân phối; Vận tải container chuyên tuyến; Vận tải hàng siêu trường siêu trọng; Vận tải đa phương thức; Quản lý tàu và thuyền viên; Đại lý giao nhận; Hàng hóa hàng không,..
  - Trồng rừng:** Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cây cao su và cây công nghiệp tại Campuchia.
  - Bất động sản:** Xây dựng và khai thác các trung tâm thương mại, khách sạn, cao ốc văn phòng ở các thành phố lớn tại Việt Nam và khu vực Đông Dương bao gồm Cao ốc Gemadept, dự án Khu phức hợp Saigon Gem, dự án Khu phức hợp tại Viêng Chăn – Lào.

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Quý 1 năm 2013 của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 và kết thúc 31 tháng 03 năm 2013.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.





## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

### **2. Áp dụng quy định kế toán mới**

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC qui định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư này qui định tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh, tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố thay vì sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng như hướng dẫn tại Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Các qui định khác của Thông tư này tương tự như hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái mà Công ty đang áp dụng.

### **3. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **4. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

### 7. Tài sản thuê hoạt động

*Công ty là bên cho thuê*

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

*Công ty là bên đi thuê*

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

### 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

##### *Phần mềm máy tính*

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

#### 11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **12. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **13. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa tàu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Chi phí khác***

Chi phí khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### **14. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương bình quân

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

#### **16. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

#### **17. Nguồn vốn kinh doanh**

##### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

##### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### **18. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

#### **19. Trích lập các quỹ**

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

#### **20. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

## **21. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/03/2013 : 20.920 VND/USD  
31/12/2012 : 20.809 VND/USD

## **22. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái**

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

## **23. Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

## **24. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu**

Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu là khoản nợ có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định tại phương án phát hành. Nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu vào nghĩa vụ phải trả theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và quyền của bên cho vay.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được ghi nhận là nợ phải trả và cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của khoản nợ chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và tiền lãi) về giá trị hiện tại theo lãi suất của các khoản vay tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu. Nếu không xác định được lãi suất của các khoản vay tương tự, lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành khoản nợ chuyển đổi được sử dụng để xác định giá trị hiện tại của khoản thanh toán trong tương lai. Giá trị thành phần vốn của nợ chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành nợ chuyển đổi và giá trị phần nợ của khoản nợ chuyển đổi thành cổ phiếu.

Sau ghi nhận ban đầu, tiền lãi phải trả trong từng kỳ được tính trên cơ sở lãi suất và giá trị phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi tại thời điểm đầu kỳ được ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Phần chênh lệch giữa lãi phải trả được tính vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa trong kỳ và lãi phải trả tính theo lãi suất danh nghĩa được ghi tăng phần nợ gốc của khoản nợ chuyển đổi.

Khi đáo hạn, giá trị quyền chọn cổ phiếu của nợ chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu và phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của nợ chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

Chi phí phát hành nợ chuyển đổi thành cổ phiếu được phân bổ cho các thành phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của công cụ đó theo tỷ lệ. Chi phí giao dịch liên quan đến thành phần vốn chủ sở hữu được trình bày là khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu. Chi phí phát hành liên quan đến thành phần

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

nợ phải trả bao gồm trong giá trị thành phần nợ và được phân bổ vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa theo kỳ hạn của khoản vay theo phương pháp lãi suất thực tế.

### 25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.878.881.275	3.771.117.465
Tiền gửi ngân hàng	309.071.036.535	220.620.482.928
Tiền đang chuyển	2.427.956.923	1.932.737.345
Các khoản tương đương tiền (*)		10.602.250.000
<b>Cộng</b>	<b><u>316.377.874.733</u></b>	<b><u>236.926.587.737</u></b>

(\*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	164.674.867.330	161.524.867.330
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link (xem thuyết minh V.17)	482.400.000.000	482.400.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	2.369.835.337	436.224.269
- Tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 01 năm	2.369.835.337	436.224.269
<b>Cộng</b>	<b><u>649.444.702.667</u></b>	<b><u>644.361.091.599</u></b>

### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

<b>Số đầu năm</b>	<b>97.773.145.783</b>
Trích lập bổ sung	13.464.926.905
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>111.238.072.688</u></b>

### 4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,..	357.542.307.124	316.872.415.209
Dịch vụ cho thuê tài sản	3.693.499.207	2.278.446.610
<b>Cộng</b>	<b><u>361.235.806.331</u></b>	<b><u>319.150.861.819</u></b>
<b>5. Trả trước cho người bán</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần hàng hải Ngân Hà	13.333.445.667	15.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Ba Sơn	1.500.000.000	3.046.349.174
Các nhà cung cấp khác	31.989.111.363	31.146.894.177
<b>Cộng</b>	<b><u>46.822.557.030</u></b>	<b><u>49.193.243.351</u></b>
<b>6. Các khoản phải thu khác</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	17.695.123.459	14.950.773.013
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.000.000.000	3.200.000.000
Phải thu từ các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	598.375.303.112	571.535.169.870
- Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương (Pacific Pearl) – chi hộ dự án cao su	257.110.003.475	219.037.148.253
- Công ty cổ phần hoa sen Thái Bình Dương (Pacific Lotus) – chi hộ dự án cao su	35.300.211.143	35.112.919.319
- Công ty cổ phần chứng khoán công nghiệp Việt Nam – hợp tác kinh doanh theo nội dung hợp đồng	35.000.000.000	35.000.000.000
- Công ty TNHH cảng Phước Long – tiền cho mượn, chi hộ	143.137.985.978	140.565.300.184
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất – tiền cho mượn	48.500.000.000	54.200.000.000
- Gemadept (Singapore) Ltd. - tiền chi hộ	41.774.193.010	38.927.878.445
- Grand Pacific Shipping - tiền chi hộ	1.181.618.854	2.669.659.783
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ – tiền cho mượn	-	8.700.000.000
- Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ - tiền cho mượn, chi hộ	4.400.000.000	6.400.000.000
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept – tiền cho mượn	21.338.601.022	21.270.193.418
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền chi hộ	1.194.144.657	1.193.727.457
- Công ty TNHH dịch vụ tổng hợp V.N.M	300.000.000	-
- Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển – chi hộ	6.128.187.500	6.128.187.500
- Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác	3.010.357.473	2.330.155.511
Cổ tức, lợi nhuận được chia	43.157.373.318	91.690.071.930
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	1.497.222.222	275.801.222
Các khoản phải thu khác	19.488.414.754	14.192.426.600
- Phải thu công nhân viên tiền lãi vay	4.478.250.340	4.478.250.340

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.822.035.329	2.177.618.427
- Các khoản phải thu khác	12.188.129.085	7.536.557.833
<b>Cộng</b>	<b><u>683.213.436.865</u></b>	<b><u>695.844.242.635</u></b>
<b>7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán từ 03 năm trở lên	692.637.000	692.637.000
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	11.000.000.000	11.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>11.692.637.000</u></b>	<b><u>11.692.637.000</u></b>
<b>8. Hàng tồn kho</b>		
Nhiên liệu tồn trên tàu.		
<b>9. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê tàu	-	5.643.000.000
Chi phí sửa chữa	9.764.249.174	5.637.669.368
Chi phí bảo hiểm	601.669.800	1.362.803.572
Công cụ, dụng cụ	1.557.374.298	1.523.139.645
Chi phí khác	1.149.005.260	564.229.792
<b>Cộng</b>	<b><u>13.072.298.532</u></b>	<b><u>14.730.842.377</u></b>
<b>10. Tài sản ngắn hạn khác</b>		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	29.110.873.886	50.940.100.287
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.341.772.560	5.406.428.268
<b>Cộng</b>	<b><u>34.452.646.446</u></b>	<b><u>56.346.528.555</u></b>
<b>11. Phải thu dài hạn khác</b>		
Các khoản góp vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh, bao gồm:		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>37.000.000.000</u></b>	<b><u>37.000.000.000</u></b>
<b>12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>		
Nhà cửa, vật kiến trúc bao gồm:		
- Giá trị quyền sử dụng đất của 2 căn nhà tại số 39 và 40 Quang Trung, TP. Đà Nẵng chưa được định giá.		

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đã được tháo dỡ để xây dựng Cao ốc Lê Thánh Tôn tại phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh và Công ty đã ngưng trích khấu hao từ thời điểm tháo dỡ do quyền sử dụng được cấp vĩnh viễn.

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	57.890.534.613	125.856.528.429	818.289.091.345	12.073.677.305	1.014.109.831.692
Tăng trong năm	-	-	877.019.517	38.583.464	915.602.981
<i>Mua sắm mới</i>			873.085.455	37.635.080	910.720.535
<i>Tăng khác</i>			3.934.062	948.384	4.882.446
Giảm trong năm	-	(3.789.487.860)	(1.204.545.455)	-	(4.994.033.315)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(3.789.487.860)	(1.204.545.455)		(4.994.033.315)
<i>Giảm khác</i>					-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>57.890.534.613</b>	<b>122.067.040.569</b>	<b>817.961.565.407</b>	<b>12.112.260.769</b>	<b>1.010.031.401.358</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	24.821.411.177	113.623.923.568	381.336.197.489	10.861.362.766	530.642.895.000
Tăng trong năm	167.878.539	871.069.240	15.065.424.743	212.606.028	16.316.978.550
<i>Khấu hao trong kỳ</i>	167.878.539	871.069.240	15.062.920.887	212.186.398	16.314.055.064
<i>Tăng khác</i>			2.503.856	419.630	2.923.486
Giảm trong năm	-	(2.860.572.144)	(903.610.266)	-	(3.764.182.410)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		(2.860.572.144)	(903.610.266)		(3.764.182.410)
<i>Giảm khác</i>					-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>24.989.289.716</b>	<b>111.634.420.664</b>	<b>395.498.011.966</b>	<b>11.073.968.794</b>	<b>543.195.691.140</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	33.069.123.436	12.232.604.861	436.952.893.856	1.212.314.539	483.466.936.692
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.901.244.897</b>	<b>10.432.619.905</b>	<b>422.463.553.441</b>	<b>1.038.291.975</b>	<b>466.835.710.218</b>

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	7.352.483.410	10.140.235.917	17.492.719.327
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.352.483.410</b>	<b>10.140.235.917</b>	<b>17.492.719.327</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	4.636.471.352	4.636.471.352
Khấu hao trong năm	-	314.809.347	314.809.347
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>4.951.280.699</b>	<b>4.951.280.699</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	7.352.483.410	5.503.764.565	12.856.247.975
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>7.352.483.410</b>	<b>5.188.955.218</b>	<b>12.541.438.628</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 98 Phạm Hùng, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, Phường 7, TP. Vũng Tàu có nguyên giá bằng giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 1.745.280.000 VND và 906.555.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn.

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Mua sắm TSCĐ	32.661.615.601	133.085.455	(133.085.455)	32.661.615.601
XDCB dở dang	7.521.605.919	-	-	7.521.605.919
- Chi phí tư vấn, đầu tư xây dựng cao ốc Lê Lợi	2.694.479.091			2.694.479.091
- Dự án khu công nghiệp công nghệ cao Gemadept	3.658.444.173			3.658.444.173
- Các dự án khác	1.168.682.655			1.168.682.655
<b>Cộng</b>	<b><u>40.183.221.520</u></b>	<b><u>133.085.455</u></b>	<b><u>(133.085.455)</u></b>	<b><u>40.183.221.520</u></b>

### 15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Chi tiết tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	279.448.439.795	52.138.403.992	227.310.035.803
Tăng trong năm	-	2.973.029.046	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>279.448.439.795</u></b>	<b><u>55.111.433.038</u></b>	<b><u>224.337.006.757</u></b>

Tại thời điểm cuối năm, Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị thị trường của bất động sản đầu tư trên.

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập từ việc cho thuê	22.163.477.626.00	19.844.044.338
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	7.303.465.411.00	6.710.361.478
Chi phí trực tiếp không liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	-	-

### 16. Đầu tư vào công ty con

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</u>		<u>Vốn đầu tư (VND)</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	73,80	78,60	39.780.000.000
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	100,00	100,00	5.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Tên công ty con</b>	<b>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</b>		<b>Vốn đầu tư (VND)</b>
	<b>Theo giấy phép</b>	<b>Thực góp</b>	
Gemadep (Malaysia) Ltd.	100,00	100,00	15.206.200.000
Gemadep (Singapore) Ltd.	100,00	100,00	15.207.300.000
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadep Nhơn Hội	55,00	9,43	2.343.651.753
Công ty TNHH cảng Phước Long	100,00	100,00	100.000.000.000
Công ty TNHH ISS Gemadep	51,00	51,00	1.637.304.000
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadep	100,00	100,00	80.000.000.000
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	70,00	70,00	67.200.000.000
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen- Gemadep	51,00	51,00	72.126.807.812
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadep	50,00	50,00	60.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên Gemadep Hải Phòng	100,00	23,92	23.924.332.310
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ <sup>(a)</sup>	46,00	46,00	27.600.000.000
Công ty cổ phần cảng Nam Hải <sup>(b)</sup>	99,98	99,98	424.383.000.000
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	100,00	35,00	3.500.000.000
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	100,00	21,82	2.182.000.000
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	100,00	50,00	500.000.000
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	100,00	8,71	56.071.000.000
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	100,00	55,21	353.606.278.630
<b>Cộng</b>			<b>1.350.267.874.505</b>

(a) Công ty cổ phần Gemadep nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 25. Mặt khác, Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Gemadep trước các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

(b) Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Nam Hải đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay dài hạn.

**17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<b>Tên công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)</b>		<b>Vốn đầu tư (VND)</b>
	<b>Theo giấy phép</b>	<b>Thực góp</b>	
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	45,00	45,00	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	26,78	26,78	9.642.000.000
CTY TNHH MOLENBERGNATIE-GEMADEPT VIỆT NAM	34,00	34,00	5.110.700.000
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	40,00	10,94	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	38,00	38,00	23.236.200.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tên công ty liên kết, liên doanh	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (%)		Vốn đầu tư (VND)
	Theo giấy phép	Thực góp	
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	49,00	49,00	11.882.010.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	29,43	29,43	141.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	25,00	25,00	29.375.000.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	26,56	26,56	49.825.280.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link (*)	41,67	41,67	351.750.000.000
Công ty Golden Globe Co., Ltd.	40,00	18,26	44.024.075.636
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	35,00	35,00	105.000.000.000
<b>Cộng</b>			<b>832.121.473.779</b>

- (\*) Công ty cổ phần Gemadept đã đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept –Terminal với tỷ lệ là 41,67% vốn điều lệ. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị Công ty đồng ý sẽ chuyển nhượng 25 % cổ phần trong công ty này cho một đối tác khác trong thời gian sắp tới. Vì vậy, khoản đầu tư vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” với tỷ lệ góp vốn là 16,67% và khoản mục “Đầu tư ngắn hạn” với tỷ lệ góp vốn là 25% .

### 18. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	168.734.041.600	171.884.041.600
Đầu tư dài hạn khác	224.758.901.494	66.011.901.494
Cho vay dài hạn	153.460.000.000	153.460.000.000
- Cho Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept vay với thời hạn 05 năm và lãi suất 9,8%/năm	103.460.000.000	103.460.000.000
- Cho Công ty cổ phần Cảng Nam Hải vay với thời hạn 05 năm và lãi suất 9,8%/năm	50.000.000.000	50.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>546.952.943.094</b>	<b>391.355.943.094</b>

- (\*) Công ty đã cầm cố khoản đầu tư 13.868.960 cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam tương ứng giá trị đầu tư là 165.581.032.000 VND và dự phòng giảm giá đầu tư đã trích lập là 46.770.271.240 VND để đảm bảo các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2 .

### 19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	46.770.271.239	47.990.971.240
Dự phòng khoản lỗ của các công ty con	96.473.733.487	65.856.891.972
Dự phòng khoản lỗ của các công ty liên kết, liên doanh	47.242.560.634	40.745.532.449
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	5.116.639.588	4.750.811.985
<b>Cộng</b>	<b>195.603.204.948</b>	<b>159.344.207.647</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

<b>Số đầu năm</b>	159.344.207.647
Trích lập dự phòng bổ sung	36.258.997.301
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>195.603.204.948</b>

**20. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí phát sinh trong năm</b>	<b>Phân bổ vào chi phí trong năm</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Chi phí trang trí nội thất	643.192.897		83.894.724	559.298.173
<b>Cộng</b>	<b>643.192.897</b>		<b>83.894.724</b>	<b>559.298.173</b>

**21. Tài sản dài hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	824.400.000	832.360.000
Ký quỹ thuê tàu	41.220.000.000	41.618.000.000
Ký quỹ hợp đồng bảo lãnh	417.400.000	416.180.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	317.347.120	289.337.120
<b>Cộng</b>	<b>42.779.147.120</b>	<b>43.155.877.120</b>

**22. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	136.661.064.911	219.182.172.339
- Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn <sup>(a)</sup>	43.469.326.634	60.380.628.789
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)- Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(b)</sup>	67.791.941.062	131.740.624.698
- Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh <sup>(c)</sup>	25.399.797.215	13.282.589.203
- Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam – Sở giao dịch 2	-	13.778.329.649
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	224.983.141.516	105.092.206.944
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link <sup>(d)</sup>	224.983.141.516	103.086.206.944
- Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	-	2.006.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.32)	41.571.428.571	51.428.571.428
- Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	29.571.428.571	39.428.571.428
<b>Cộng</b>	<b>403.215.634.998</b>	<b>375.702.950.711</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải hàng hóa, khai thác cảng và logistics. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản như sau:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 98 Phạm Hùng, phường Lý Thường Kiệt, TP. Quy Nhơn;
  - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 41 Quang Trung, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng;
  - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 1/1 Phạm Hồng Thái, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu;
  - Các tàu Phước Long 28, 30, 32, 34.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để hỗ trợ cho các nhu cầu mua nhiên liệu và thanh toán các thư tín dụng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và các Tàu Phước Long 14, 16, 18, 20, 22, 24, 26.
- (d) Khoản vay Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept – Terminal Link theo lãi suất quy định trên hợp đồng.

### 23. Phải trả người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	12.782.931.471	6.105.581.463
- Công ty TNHH cảng Phước Long	7.830.412.072	3.708.275.015
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	1.786.066.853	1.630.944.491
- Công ty cổ phần cảng Nam Hải	358.346.646	71.138.815
- Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	2.806.600.900	-
- Các công ty con, liên kết, hợp tác khác	1.505.000	695.223.142
Phải trả cho các nhà cung cấp khác	103.154.581.715	87.170.311.693
<b>Cộng</b>	<b><u>115.937.513.187</u></b>	<b><u>93.275.893.156</u></b>

### 24. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khách hàng ứng trước cho hoạt động logistics: vận tải, đại lý tàu biển,...	5.771.295.405	2.513.433.385
Khách hàng ứng trước để thuê tài sản	21.510.419.416	21.510.419.416
<b>Cộng</b>	<b><u>27.281.714.821</u></b>	<b><u>24.023.852.801</u></b>

### 25. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	3.658.036.204	2.872.921.877
<b>Cộng</b>	<b><u>3.658.036.204</u></b>	<b><u>2.872.921.877</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

**Thuế nhà đất**

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**26. Phải trả người lao động**

Tiền lương, thưởng còn phải trả công nhân viên.

**27. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	16.603.333.581	9.071.743.981
Chi phí khác	6.256.109.538	7.102.259.652
<b>Cộng</b>	<b><u>22.859.443.119</u></b>	<b><u>16.174.003.633</u></b>

**28. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	809.123.611	1.576.439.339
Cổ tức phải trả	258.842.000	258.842.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.234.772.890	1.529.041.081
Doanh thu chưa thực hiện	3.132.863.479	4.003.501.857
Phải trả cho ngân sách nhà nước tiền bán hàng tồn động tại cảng biển	1.716.241.909	1.716.241.909
Các khoản thu hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	10.304.321.656	12.643.617.567
Phải trả các công ty con, công ty liên kết, hợp tác	78.696.920.353	201.260.341.398
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link – tiền mượn	-	120.853.141.332
- Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng – tiền mượn và các khoản thu hộ	10.209.389.427	10.276.760.911
- Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển	-	10.227.370.790

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>hạ tăng Gemadept - tiền mượn</i>	5.727.370.790	
- <i>Gemadept (Singapore) Co., Ltd. - tiền mượn</i>	43.908.653.582	43.679.739.392
- <i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept – tiền mượn</i>	10.293.585.975	10.293.585.975
- <i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương</i>	5.000.000.000	5.000.000.000
- <i>Grand Pacific Shipping</i>	2.284.759.071	-
- <i>Các công ty con, công ty liên kết, hợp tác khác</i>	1.273.161.508	929.742.998
Các khoản phải trả khác	15.491.141.811	10.639.912.625
- <i>Ông Nguyễn Quốc Cường – tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept</i>	9.264.678.577	9.264.678.577
- <i>Các khoản phải trả khác</i>	6.226.463.234	1.375.234.048
<b>Cộng</b>	<b><u>111.644.227.710</u></b>	<b><u>233.627.937.776</u></b>

#### 29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng các khoản phải trả liên quan đến những tổn thất phải bồi thường trong quá trình vận chuyển.

#### 30. Phải trả dài hạn khác

Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

#### 31. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	195.857.142.858	195.857.142.858
- <i>Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt<sup>(a)</sup></i>	48.000.000.000	48.000.000.000
- <i>Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh<sup>(b)</sup></i>	147.857.142.858	147.857.142.858
Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. <sup>(c)</sup>	417.770.400.000	258.031.600.000
<b>Cộng</b>	<b><u>613.627.542.858</u></b>	<b><u>453.888.742.858</u></b>

<sup>(a)</sup> Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Việt để mua tàu Bunga Mas Tujuh, thời hạn 10 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

<sup>(b)</sup> Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để góp vốn vào Công ty cổ phần cảng Cái Mép Genadept - Terminal Link. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại số 117 đến 121 đường Lê Lợi và 77 đến 89B đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh của Công ty liên quan.

<sup>(c)</sup> Vay chuyển đổi thành cổ phiếu của VI (Vietnam Investments) Fund II, L.P. theo Hợp đồng ngày 18 tháng 6 năm 2012, chi tiết như sau:

Hạn mức vay : USD 40,000,000

Thời gian ân hạn : 05 năm kể từ ngày hợp đồng được ký hợp lệ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Trả gốc : Tại thời điểm bất kỳ sau 01 năm kể từ ngày hợp đồng này được ký hợp lệ, bên cho vay có quyền nhưng không phải là nghĩa vụ và theo toàn quyền quyết định của bên cho vay, sẽ chuyển đổi toàn bộ hoặc một phần khoản vay (bao gồm gốc và lãi) chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty.
- Lãi suất : Lãi suất áp dụng đối với khoản cho vay trong thời hạn vay là 6%/năm.
- Mục đích vay : + Giải ngân lần 1: Dự án phát triển dịch vụ Logistics; Đầu tư vào dự án Cảng Nam Hải - Đình Vũ.  
+ Giải ngân lần 2: Đầu tư xe tải nhỏ; Thực hiện dự án tại Campuchia: dự án trồng rừng.  
+ Giải ngân lần 3,4: Sẽ được nhà đầu tư duyệt khi có đề nghị.
- Tài sản đảm bảo : Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã được bên cho vay và bên vay chỉ định nhận tài sản đảm bảo theo Hợp đồng đại lý nhận tài sản bảo đảm ngày 17 tháng 7 năm 2012, bao gồm:  
+ Toàn bộ 999.800 cổ phần của Công ty trong Công ty cổ phần cảng Nam Hải, tương đương 99,98% số cổ phần đã phát hành và đang lưu thông;  
+ Toàn bộ quyền sử dụng đất và công trình xây dựng gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp và duy nhất của Công ty cổ phần cảng Nam Hải.

### 32. Vốn chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.127.307.090.000	1.094.473.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.471.474.474.400	2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	69.388.382.902	69.388.382.902
Quỹ dự phòng tài chính	29.429.404.912	29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.315.340.005	26.315.340.005
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	317.197.812.190	203.041.072.297

#### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	112.730.709	109.447.309
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	112.730.709	109.447.309
- Cổ phiếu phổ thông	112.730.709	109.447.309
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Doanh thu hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	201.455.310.004	308.662.858.288
Doanh thu cho thuê văn phòng	22.163.477.626	19.844.044.338
<b>Cộng</b>	<b><u>223.618.787.630</u></b>	<b><u>328.506.902.626</u></b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Giá vốn hoạt động logistics: dịch vụ vận tải, cho thuê tài sản, dịch vụ đại lý,...	203.355.424.572	303.049.917.276
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng	7.303.465.411	6.710.361.478
<b>Cộng</b>	<b><u>210.658.889.983</u></b>	<b><u>309.760.278.754</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Lãi tiền gửi	231.410.210	10.203.381.880
Lãi đầu tư chứng khoán	12.895	1.788.027.391
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.699.555.402	28.969.306.597
Doanh thu hoạt động tài chính khác	169.118.182.080	1.800.910.515
<b>Cộng</b>	<b><u>185.049.160.587</u></b>	<b><u>42.761.626.383</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Chi phí lãi vay	18.629.226.289	20.563.343.527
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.357.565.779	3.631.596.135
Lỗ đầu tư chứng khoán	10.334.061.186	51.131.151.914
Dự phòng đầu tư tài chính	39.412.723.506	
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính		(59.715.879.623)
Chi phí tài chính khác	2.534.600.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>75.268.176.760</u></b>	<b><u>15.610.211.953</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	801.357.442	553.656.336
Chi phí khác	1.049.359.008	725.000.148
<b>Cộng</b>	<b><u>1.850.716.450</u></b>	<b><u>1.278.656.484</u></b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Chi phí cho nhân viên	7.336.474.947	7.005.097.657
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.480.923.238	1.700.492.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.042.974.998	4.081.417.459
Chi phí khác	3.335.923	25.476.485

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
<b>Cộng</b>	<b>12.863.709.106</b>	<b>12.812.484.578</b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, XDCB dở dang	6.297.181.819	455.109.091
Các khoản thu nhập khác	663.618.772	274.348.351
<b>Cộng</b>	<b>6.960.800.591</b>	<b>729.457.442</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	439.665.890	
Các khoản chi phí khác	390.850.727	461.164.729
<b>Cộng</b>	<b>830.516.617</b>	<b>461.164.729</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp Doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chi phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		
<b>10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>		
	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.186.592.962	112.983.122.474
Chi phí nhân công	19.801.142.895	22.044.209.706
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.347.113.816	23.344.559.053
Chi phí dịch vụ mua ngoài	124.135.431.061	162.598.773.949
Chi phí khác	2.903.034.805	2.880.754.634
<b>Cộng</b>	<b>225.373.315.539</b>	<b>323.851.419.816</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam	Cổ đông đại diện vốn Nhà nước tại Công ty
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	Công ty con
Gemadept (Malaysia) Ltd.	Công ty con
Gemadept (Singapore) Ltd.	Công ty con
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Công ty con

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty TNHH cảng Phước Long	Công ty con
Công ty TNHH ISS Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	Công ty con
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen – Gemadept	Công ty con
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Công ty con
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	Công ty con
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Công ty con
Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín	Công ty con
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam	Công ty con
Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương	Công ty con
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Công ty liên kết
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu (VCP)	Công ty liên kết
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Công ty liên kết
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Công ty liên kết
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hoá Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link	Công ty liên kết
Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ	Công ty liên kết

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Quý 1 năm 2013</b>	<b>Quý 1 năm 2012</b>
<b><i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i></b>		
Chi phí dịch vụ		42.909.091
<b><i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i></b>		
Cho mượn tiền	300.000.000	11.440.000.000
<b><i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i></b>		
Chi phí dịch vụ đại lý	232.427.924	486.834.859
<b><i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i></b>		
Các khoản chi hộ phải thu	3.002.072.689	3.832.106.497
	6.030.349.688	25.046.956.303
Chi phí dịch vụ		
Các khoản phải trả do đã được chi hộ mua vật tư, phụ tùng	-	2.823.920.485
<b><i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội</i></b>		
Lãi tiền vay	58.407.500	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
<b>Công ty TNHH cảng Phước Long</b>		
Chuyển tiền cho mượn	41.000.000.000	67.430.000.000
Doanh thu dịch vụ		12.150.000.000
Chi phí dịch vụ	14.298.713.818	23.656.485.648
Chi hộ	22.092.106	1.122.000
Các khoản phải trả khác	578.178.021	-
<b>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</b>		
Cho vay		15.500.000.000
Lãi cho vay	2.534.770.000	122.532.952
Chi hộ	33.644.555	
Doanh thu dịch vụ	2.703.557.501	2.753.156.827
Chi phí dịch vụ	2.551.455.364	181.073.527
Các khoản thu hộ phải trả	340.810.565	257.934.087
<b>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</b>		
Doanh thu dịch vụ	17.408.419.061	36.094.987.467
Chi hộ		3.686.496.408
Chi phí vận chuyển	9.683.943.344	20.524.002.596
Thu hộ phải trả	832.689.608	1.448.052.970
<b>Công ty cổ phần dịch vụ vận tải du lịch Trường Thọ</b>		
Cho mượn tiền	5.000.000.000	2.000.000.000
<b>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</b>		
Lãi cho vay	1.225.000.000	
Doanh thu dịch vụ	1.200.000.000	1.200.000.000
<b>Công ty TNHH vận tải hàng hải Thái Bình Dương</b>		
Chi hộ	39.770.500	50.197.000
Mượn tiền		2.000.000.000
<b>Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín</b>		
Phải thu khác	566.608.789	451.928.102
<b>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương</b>		
Góp vốn	3.800.000.000	
Chi hộ	68.702.500	
<b>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</b>		
Góp vốn	39.736.500.000	
Chi hộ	15.712.877.300	
<b>Công ty TNHH vận tải hàng hải PO Việt Nam</b>		
Doanh thu dịch vụ	363.435.387	355.513.299
<b>Công ty TNHH MOLENBERGNATIE-GEMADEPT VIỆT NAM</b>		
Doanh thu dịch vụ	894.545.417	
Chuyển tiền góp vốn	5.110.700.000	
<b>Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn</b>		
Chi phí dịch vụ	93.893.618	187.750.891

**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỮA HỢP NHẤT**

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý 1 năm 2013</u>	<u>Quý 1 năm 2012</u>
Góp vốn đầu tư	55.000.000.000	
<i>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</i>		
Doanh thu cho thuê văn phòng	563.566.641	683.574.075
Vay ngắn hạn		94.130.000.173
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</i>		
Góp vốn đầu tư		5.250.000.000

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất</i>		
Cho mượn tiền	48.500.000.000	54.200.000.000
<i>Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M</i>		
Cho mượn tiền	300.000.000	-
<i>Gemadept (Malaysia) Ltd.</i>		
Phải thu khách hàng	10.146.595.006	11.631.065.927
<i>Gemadept (Singapore) Ltd.</i>		
Phải thu khách hàng	227.962.870.417	204.158.122.365
Lợi nhuận được chia	4.508.685.077	14.566.300.000
Các khoản chi hộ	41.774.193.010	38.927.878.445
Ký quỹ thuê tàu	41.220.000.000	41.220.000.000
<i>Công ty TNHH cảng Phước Long</i>		
Các khoản cho mượn, chi hộ	143.137.985.978	140.565.300.184
<i>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</i>		
Phải thu khách hàng	4.686.838.060	295.241.604
Các khoản chi hộ	538.601.022	569.778.546
Lợi nhuận được chia	7.000.000.000	20.000.000.000
Cho vay dài hạn	103.460.000.000	103.460.000.000
Cho mượn tiền	20.800.000.000	20.800.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</i>		
Phải thu khách hàng	15.787.212.132	9.085.188.024
Các khoản chi hộ	1.194.144.657	1.193.727.457
<i>Công ty cổ phần du lịch vận tải Trường Thọ</i>		
Phải thu khác	4.400.000.000	6.400.000.000
<i>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</i>		
Lợi nhuận được chia	31.648.688.241	53.382.788.236
Lãi vay phải trả	1.497.222.222	272.222.222
Phải thu khác	207.563.019	207.563.019
Cho vay dài hạn	50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa</i>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT**

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT**

Cho quý I của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Thái Bình Dương</b>		
Phải thu khác	105.886.850	66.116.350
<b>Công ty TNHH dịch vụ tin học Vĩ Tín</b>		
Phải thu khác	1.629.934.888	1.063.326.099
<b>Công ty TNHH một thành viên công nghiệp cao su Thái Bình Dương</b>		
Chi hộ	761.852.543	693.150.043
<b>Công ty cổ phần hòn ngọc Thái Bình Dương</b>		
Chi hộ dự án cao su	257.110.003.475	241.141.626.333
<b>Công ty TNHH thương mại quả Cầu Vàng</b>		
Phải thu khác	300.000.000	300.000.000
<b>Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam</b>		
Phải thu khách hàng	534.143.500	534.143.500
<b>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept Terminal Link</b>		
Phải thu khách hàng		14.065.788
<b>Công ty cổ phần cảng Nam Hải Đình Vũ</b>		
Cho mượn		8.700.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>1.019.212.420.097</u></b>	<b><u>1.023.447.604.142</u></b>
<b>Gemadept (Malaysia) Ltd.</b>		
Các khoản phải trả khác	932.030.819	929.869.279
<b>Gemadept (Singapore) Ltd.</b>		
Các khoản thu hộ tàu, mượn tiền	43.908.653.582	43.718.922.902
<b>Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội</b>		
Phải trả phí dịch vụ	-	527.402.778
Vay ngắn hạn	-	2.006.000.000
<b>Công ty TNHH cảng Phước Long</b>		
Phải trả phí dịch vụ	7.830.412.072	3.708.275.015
Nhận ứng trước	21.510.419.416	21.510.419.416
<b>Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept</b>		
Phải trả người bán	2.806.600.900	-
Phải trả khác	341.130.689	320.124
<b>Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept</b>		
Phải trả khác	10.293.585.975	10.293.585.975
<b>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Gemadept</b>		
Mượn tiền	5.727.370.790	10.227.370.790
<b>Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng</b>		
Phải trả phí dịch vụ	1.786.066.853	1.630.944.491
Các khoản mượn tiền, thu hộ phải trả	10.209.389.427	10.276.760.911
<b>Công ty cổ phần cảng Nam Hải</b>		
Phải trả phí dịch vụ	358.346.646	71.138.815

## CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHƯA HỢP NHẤT

Cho quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hóa</b>		
<b>Thái Bình Dương</b>		
Mượn tiền	5.000.000.000	5.000.000.000
Phải trả dịch vụ	420.000	420.000
<b>Công ty cổ phần hàng hóa dịch vụ Sài Gòn</b>		
Phải trả nhà cung cấp	1.505.000	
<b>Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept</b>		
<b>Terminal Link</b>		
Mượn tiền	-	120.853.141.332
Vay ngắn hạn	224.983.141.516	103.086.206.944
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>335.688.654.105</u></b>	<b><u>333.840.778.772</u></b>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2013

Trương Như Nguyên  
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt  
Kế toán trưởng

Đỗ Văn Minh  
Tổng Giám đốc